

# NHỮNG THAY ĐỔI CẤU TRÚC KHÔNG GIAN BUÔN LÀNG TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN<sup>1</sup>

TẠ THỊ HOÀNG VÂN

**Tóm tắt:** Tây Nguyên là vùng đất còn lưu giữ được nhiều tài nguyên thiên nhiên và giá trị nhân văn độc đáo, trong đó có các loại hình kiến trúc truyền thống của các tộc người tại chỗ. Các thay đổi từ đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội... những năm qua đã ảnh hưởng tới cấu trúc của buôn làng Tây Nguyên truyền thống, dễ nhận thấy nhất là trong không gian cảnh quan, đặc điểm cư trú. Việc nhận diện và đánh giá những chuyển biến này sẽ hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo tồn và kế thừa các giá trị của cấu trúc không gian truyền thống trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, đặc biệt trong công tác quy hoạch làng nông thôn mới hiện nay.

**Từ khóa:** Cấu trúc không gian, buôn làng truyền thống.

## 1. Tổng quan về khu vực Tây Nguyên

Tây Nguyên gồm 5 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, diện tích tự nhiên 54.451km<sup>2</sup>. Đây là một vùng lãnh thổ có vị trí quan trọng của đất nước. Tây Nguyên ngày nay là vùng đất có thành phần tộc người đông đảo nhất ở nước ta, trong đó có 12 tộc người tại chỗ (Hà Đình Thành, 2012, tr. 5).

Tây Nguyên là vùng đất cao rộng lớn nằm sau lưng vòng cánh cung gờ núi Trường Sơn gồm nhiều cao nguyên “xếp tầng” với những độ cao khác nhau. Rừng Tây Nguyên là loại rừng nhiệt đới ẩm, nhiều tầng, nhiều loại cây gỗ quý (Lê Bá Thảo, 1990, tr. 196). Rừng không chỉ cung cấp nguyên liệu mà còn tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa là những công trình biểu tượng của văn hóa - kiến trúc Tây Nguyên. Vì thế, rừng còn là phần “hồn” của các giá trị văn hóa phi vật thể của đồng bào. Những đặc điểm địa hình tự nhiên này là một trong các yếu tố tạo nên không gian kiến trúc cảnh quan trong những buôn làng truyền thống ở Tây Nguyên.

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV.2 - 2012.12).

Đặc điểm cư trú xưa kia của đồng bào thường phân vùng theo nhóm địa phương và tộc người khá rõ. Từ cuối thế kỷ XVIII, khi

người Việt bắt đầu lên Tây Nguyên thì hình thức cư trú xen kẽ bắt đầu tăng lên và đến trước 1975, có nhiều nhóm cư dân sinh sống ở những vùng xa xôi, hẻo lánh được gom lại ven các thị xã, thị trấn hay ở các trục đường giao thông. Đặc điểm cư trú này thể hiện quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các cư dân tại chỗ.

Văn hóa “xứ Thượng/miền Thượng/người Thượng/vùng Thượng” vẫn được coi là một đặc trưng truyền thống văn hóa tộc người của Tây Nguyên (Maitre, 2008). Vì thế, dù có nhiều thay đổi nhưng Tây Nguyên hiện vẫn là vùng đất mang giá trị “lịch sử dân tộc học”/“khu vực lịch sử - văn hóa” (Tạ Hoàng Vân và cộng sự, 2008). Những dấu vết khảo cổ học và tư liệu lịch sử cho thấy, đây là một vùng văn hóa cổ, “một vùng gần như duy nhất của Đông Nam Á không chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ” (Ngô Đức Thịnh, 2008, tr. 9). Trong phân vùng văn hóa, các nhà nghiên cứu khẳng định Tây Nguyên là một trong 7 vùng văn hóa lớn của Việt Nam - “*nơi gặp gỡ của nhiều luồng dân cư, nơi giao lưu văn hóa của nhiều tộc người, do vậy các tộc người Tây Nguyên và văn hóa Tây Nguyên là bức tranh nhiều màu sắc*” (Ngô Đức Thịnh, 2007, tr. 466).

## **2. Đặc điểm cấu trúc không gian buôn làng truyền thống Tây Nguyên**

### **2.1. Buôn làng truyền thống**

Để bắt đầu cho bài nghiên cứu này, chúng tôi lục tìm lại những ấn phẩm của các nhà nghiên cứu người Pháp về Tây Nguyên những thế kỷ trước. Những đợt thám sát của các phái đoàn Pháp tại Tây Nguyên đã ghi chép lại hình ảnh về buôn làng và nhà ở truyền thống của các dân tộc nơi đây từ những năm

đầu của thế kỷ trước. Trong đó, đáng chú ý là G. Condominas - “*Sơ lược lịch sử Tây Nguyên*”; Jacques Dournes - “*Hình thái nơi cư trú và kỹ thuật xây dựng từ người Sré đến người Jorai*”; Hanghmetorơ - “*Các xứ Thượng ở Miền Nam*”; Pual Gullemement - “*Bộ tộc Banah ở Kon Tum*”... và một số tác phẩm khác được xuất bản những năm 60 - 70 của thế kỷ XX đã trực tiếp đề cập, phân tích, khảo cứu kiến trúc nhà ở và vật liệu xây dựng các dân tộc Tây Nguyên. Đặc biệt, kiến trúc nhà mồ, tượng nhà mồ là đề tài thu hút sự quan tâm của các nhà dân tộc học, khảo cổ học và mỹ thuật. Cuốn “*Minority group in the republic of Vietnamese*” (Các tộc người thiểu số ở Cộng hòa Việt Nam) của Trung tâm Quản lý Văn hóa phân tích thông tin (Manager Cultural Information Analysis) của American University xuất bản tại Washington năm 1966 là một loạt những nghiên cứu về dân tộc học đề cập đến nhiều vấn đề lịch sử, xã hội, văn hóa phi vật thể và vật thể. Những phân tích về đặc điểm cấu trúc buôn làng và các thành phần của nó được đề cập khá cụ thể, giúp hiểu rõ hơn về nguồn gốc, mối liên hệ giữa các tộc người cũng như nếp sống và các loại hình cấu trúc buôn làng phổ biến ở Tây Nguyên,... Các nghiên cứu này đã tiếp cận dưới góc nhìn dân tộc học và văn hóa học, coi con người là chủ thể trong ngôi nhà truyền thống. Do đó, nói đến văn hóa truyền thống Tây Nguyên không thể thiếu một hợp phần quan trọng là truyền thống cư trú và cấu trúc buôn làng.

Bên cạnh yếu tố chính trị, tôn giáo và văn hóa tộc người thì tài nguyên thiên nhiên (cụ thể là rừng, nguồn nước...) đã tác động đến sự thay đổi từ kiến trúc nhỏ (ngôi nhà)

cho đến không gian rộng lớn là tổng thể cảnh quan buôn làng. Buôn làng truyền thống Tây Nguyên là một tổ chức xã hội được tạo thành bởi sự cộng cư, liên kết của các gia đình đồng tộc. Việc lập làng được tuân theo một sự “linh ứng” mà những ngôi nhà rông (*sang drông*) của các dân tộc Ba-na, Xơ-đăng, Stiêng... hay những ngôi nhà dài của cộng đồng Ê-đê, Gia-rai, Cơ-ho đóng vai trò quan trọng. Làng được xác định về mặt lãnh thổ với tính độc lập cao, một không gian xã hội riêng của cộng đồng, được giám sát chặt chẽ bằng luật tục và các thiết chế xã hội truyền thống.

Bởi vậy, cấu trúc không gian trong buôn làng Tây Nguyên thể hiện “khung xã hội” đóng vai trò sáng tạo, gìn giữ những giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc. *Buôn*, *bon* là từ dùng phổ biến để chỉ một địa điểm cư trú như làng của người Việt. Ngoài ra, mỗi dân tộc còn có tên gọi theo thổ ngữ: *plei*, *ploi*, *palây*, *đê*, *sruk*. Mỗi tộc người Tây Nguyên lại chia thành nhiều nhóm địa phương đã tạo nên sự khác nhau (tương đối) về kiến trúc nhà ở, bố cục không gian làng của các nhóm. Khu vực cư trú này là nơi quần tụ, gắn kết giữa con người với nhau, là điều kiện tự nhiên gắn bó với những cá nhân tạo nên một cộng đồng bền chặt. Vì vậy, hình thức cư trú cơ bản của đồng bào là sự thể hiện rõ ràng nhất đặc trưng sinh hoạt và tri thức bản địa.

Buôn làng ở Tây Nguyên được định vị hợp lý theo tập quán cổ truyền, có nguyên tắc chung là gần nguồn nước sạch, cao ráo, thoáng đãng. Nước - yếu tố “âm”- biểu tượng cho người phụ nữ (mẫu hệ). Nhiều dân tộc thuộc ngữ hệ Môn - Khơ-me (Bắc Tây Nguyên) lấy tên nước, tên đất làm tên làng... thể hiện những đặc điểm về cảnh quan, kiến trúc và môi sinh (như Kon Tum:

Kon – làng và Tum - hồ nước trũng; Đắk Lắk: Đắk - đất và Lắc - nước). Đồng bào có thói quen lập làng và nơi canh tác không xa nhau, có vị trí lợi thế để dân làng khai thác rừng được lâu dài.

## 2.2. Đặc điểm cư trú

Buôn làng Tây Nguyên ngày nay thể hiện sự gach nối giữa *truyền thống* và *đổi mới*. Mỗi làng là một đơn vị cộng cư thống nhất và sở hữu lãnh thổ xác định. Các dân tộc Tây Nguyên đều cư trú theo từng cộng đồng *làng* - đây cũng là đơn vị tổ chức xã hội truyền thống cơ bản mà trong đó tồn tại đồng thời quan hệ láng giềng và quan hệ huyết thống. Đặc điểm này cho thấy cấu trúc của các làng không đóng kín hoàn toàn, nhưng tính cộng đồng làng và sự cố kết dân làng là một đặc điểm nổi bật, phổ biến ở các cư dân bản địa Tây Nguyên.

Tập quán sống co cụm trong làng là một hình thức ứng phó với hoàn cảnh sống của con người khi bị đe dọa từ nhiều phía. Nói cách khác, nó liên quan đến nhu cầu sinh tồn của từng cộng đồng làng. Hoàn cảnh thực tế về an ninh, môi trường cũng như khả năng chống chọi của con người đã khiến họ tự tìm giải pháp thích nghi là sống gần gũi, gắn bó, hỗ trợ, chia sẻ, nương tựa, hòa nhập cá nhân và gia đình vào cộng đồng để cùng tự vệ, mưu sinh và phát triển. Lối ứng xử này trở thành nguyên tắc bao trùm và tập tính chi phối trong cuộc sống của người dân. Có thể nhận thấy rõ đặc trưng cư trú theo địa hình như sau:

Qua khảo sát thực địa cho thấy một số đặc trưng cấu trúc buôn làng và loại hình nhà ở của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên: (1) *Làng người Giê-Triêng* (Bắc tỉnh Kon Tum) với các nhóm Giang rẫy, Pin, Triêng,

Giê... sống ở nhà sàn và nhà đất; làng được xây dựng theo kiểu “phòng thủ” và đều có nhà rông. (2) *Làng người Brâu* (tỉnh Kon Tum) được gọi là *srúc*, có cấu trúc hình tròn, giữa làng là nhà rông và các nhà sàn xung quanh đều quay đầu vào nhà rông. (3) *Làng người Ba-na* (hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai) có nhiều nhóm nhỏ thường mang tên nơi họ cư trú: Ba-na Đông, Ba-na Tây, Ba-na Bnâm... với tên gọi là *plây*; mỗi làng có một nhà rông; người Ba-na sống trong nhà sàn dài, nay đã ít dần và thay vào đó chủ yếu là nhà sàn ngắn. (4) *Làng người Rơ-măm* gọi là *đê*, đồng bào sống trong nhà sàn dài, mỗi làng chỉ khoảng 10 nóc nhà cùng hướng về nhà rông ở trung tâm; xung quanh làng có hàng rào bảo vệ, mở cổng ra sông để lấy nước sinh hoạt và cổng đi ra khu mộ địa của làng. (5) *Người Xơ-đăng* cư trú trong làng nhỏ gọi là *plây*, đồng bào sống trong các nhà sàn dài của những gia đình lớn - kiểu nhà này ngày nay đã mất dần và thay bằng nhà sàn ngắn của những gia đình nhỏ, làng thường có nhà rông với quy mô rất lớn. (6) *Làng người Mnông* cư trú có địa bàn khá bằng phẳng, nơi gần chân núi, sông suối và đầm hồ để tiện nước sinh hoạt hàng ngày; mỗi làng Mnông có hơn chục nóc nhà, chủ yếu là nhà sàn dài, riêng nhóm Mnông Gar sống trong nhà đất. (7) *Làng người Cơ-ho* gọi là *bon*; trước đây đồng bào sinh sống trong các ngôi nhà sàn dài (nay đã mai một đi nhiều) và nhà đất dần chiếm ưu thế. (8) *Làng người Mạ* có cấu trúc nhỏ gọi là *bon*, thường ở gần các nguồn nước; cấu trúc của các làng do địa hình cư trú quyết định, các làng ở trên núi cao hoặc ở sườn núi, nhà ở được làm chắc chắn rải rác gần những nương rẫy; đồng bào sống trong ngôi nhà sàn dài, nhà sàn ngắn và nhà nửa sàn nửa đất với

phần sàn rất thấp. (9) *Làng người Xtiêng* được gọi là *wang* hay *pôh*, thường có quy mô nhỏ, cấu trúc đơn sơ, mỗi làng chỉ khoảng mười nóc nhà dài; là nơi cư trú của các gia đình nhiều thế hệ.

Xưa kia, vườn thường tách biệt với khu vực thổ cư, đó là những mảnh đất nằm dọc bờ sông suối hoặc ven chân đồi núi, tương đối bằng phẳng, ẩm ướt, màu mỡ và được sử dụng lâu dài. Đồng bào sống thành từng làng mật tập, không hình thành các chòm xóm nhỏ cách xa nhau và cũng không tản mạn ở nhiều nơi. Những tập quán quần cư như thế tạo nên bức tranh đa sắc về làng của các cư dân tại chỗ Tây Nguyên, trở thành một phần giá trị trong di sản văn hóa của vùng đất này.

Những đặc điểm trong hình thức cấu trúc làng này không chỉ phụ thuộc vào địa hình xung quanh mà còn là các yếu tố đời sống cộng đồng, thể hiện rõ qua lịch sử hình thành và xây dựng các buôn làng. Hầu hết các buôn làng đều có mật độ nhà ở bố trí dày đặc, liền kề nhau thành từng cụm lớn, xung quanh làng thường được bao bọc bởi một hàng rào bằng cây lồ ô vót nhọn chỉ có một cổng chính và một cổng phụ để ra vào làng. Nguyên tắc này xuất phát từ tâm lý và quan niệm chống thú dữ và kẻ thù từ xa xưa. Vì vậy, nhà ở của đồng bào đều là nhà sàn và hầu như không bố trí vườn cây trong buôn làng mà tổ chức một khu vực riêng gọi là vườn rừng. Đồng thời, các bản làng cũng đặt cách xa những tuyến đường giao thông chính, mà chủ yếu gần bên các triền núi và nơi có nguồn nước tự nhiên dồi dào. Ngoài trừ người Kinh đến cư trú tập trung tại các thị xã, thị trấn và ven đường giao thông, còn hầu hết các dân tộc ít người thường cư trú

chủ yếu ở nông thôn trong các buôn, làng với những sắc thái khác nhau.

- *Các thành phần cảnh quan*: Tây Nguyên bao gồm đồi núi và cao nguyên là hai dạng địa hình chính. Thành phần kiến trúc của làng, ngoài phụ thuộc vào địa hình cũng chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán từng nơi. Những dấu ấn vật thể thì thô sơ, giản đơn nhưng đầy tính tư duy và hàm chứa ý nghĩa của hiện tượng tự nhiên và cuộc sống. Trong cấu trúc làng của người dân Tây Nguyên, ta có thể hình dung mọi sự vật, từ công trình nhân tạo đến cây cỏ tự nhiên đều có “hồn”. Một số thành phần quan trọng tạo nên cảnh quan kiến trúc buôn làng Tây Nguyên: rừng núi, cao nguyên, thung lũng, sông hồ, ruộng rẫy, bãi chăn thả công cộng, bến nước, đường đi và lối mòn theo dạng vòng tròn đồng tâm hay dạng xương cá hoặc dạng tự nhiên bám quanh chân núi, các loại cây (kơnia, polang, lồ ô, mimôza),... Có thể thấy, buôn làng truyền thống Tây Nguyên chính là nơi vừa để thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt thường ngày vừa thể hiện các tiêu chí về tính thẩm mỹ và văn hóa tâm linh.

- *Các công trình kiến trúc*: Tiêu biểu nhất là nhà rông/nhà cộng đồng, các loại nhà sàn và công trình phụ trợ khác (kho thóc, nhà sinh đẻ, lều/chòi rẫy, chợ, nhà mồ...) được xây dựng rất đơn giản. Các thành phần cấu trúc cơ bản của làng được phân bố như sau:

Đường vào → cổng làng → nhà rông  
→ nhà sàn → nhà kho → ruộng → sông/suối

Địa giới mỗi làng được phân định bằng con sông, con suối hay cánh rừng thiêng. Hệ thống hàng rào quanh làng hiện đã bị dỡ bỏ, tre và các loại cây trồng được sử dụng làm hàng rào cho ngôi nhà của mình.

Cổng làng hay cổng nhà chỉ được dựng mang tính phân định không gian bên ngoài với khuôn viên của một ngôi nhà sàn.

Nhà rông/nhà cộng đồng là ngôi nhà có vai trò biểu hiện của sự tập trung quyền lực của những giá trị truyền thống. Mặc dù, nhà rông được coi là biểu tượng của văn hóa cộng đồng Tây Nguyên, nhưng nó chỉ phổ biến ở các dân tộc Ba-na, Xơ-đăng, Giê-Triêng và một bộ phận Gia-rai. Một số dân tộc không có nhà rông (Mạ, Cơ-ho, Mnông, Ê-đê) lại dành riêng một bãi đất trống ở giữa làng để tổ chức lễ hội, hoặc tổ chức tại nhà già làng (nhà sàn dài).

### **3. Những thay đổi trong cấu trúc không gian buôn làng truyền thống**

#### **3.1. Về đời sống văn hóa**

Khu vực Tây Nguyên là một vùng đất năng động trong thời kỳ hội nhập. Đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã được cải thiện rất đáng kể trong thời gian qua, nhưng cũng tỷ lệ thuận với những thay đổi nhanh chóng của một vùng vốn đậm màu sắc văn hóa truyền thống. Mỗi năm trôi qua là “mảng màu” kiến trúc truyền thống Tây Nguyên lại vừa nhạt đi, vừa bị co hẹp lại. Nhiều yếu tố truyền thống trong cưới hỏi, tang ma đã thay đổi nhưng đồng bào vẫn luôn cố gắng giữ những phong tục, nghi lễ chung của cộng đồng, đặc biệt là những ngày lễ hội lớn. Những thói quen truyền thống bị mai một nên một số đặc trưng truyền thống bị hạn chế và dần biến mất.

Chủ trương Nhà nước về xóa đói giảm nghèo trong thời gian qua đã mang lại sự thay đổi to lớn tích cực về kinh tế cũng như các lĩnh vực văn hóa - xã hội khác của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Bên cạnh các

công trình kiến trúc truyền thống còn được gìn giữ (chủ yếu là nhà rông, các loại hình nhà sàn...), thì các công trình phụ trợ khác (nhà đê, nhà kho, nhà cúng, nhà mồ...) không còn phù hợp. Thay vào đó là các công trình kiến trúc mới hỗ trợ cho đời sống hiện tại của đồng bào (như hệ thống trường mầm non, y tế, các thiết chế văn hóa thể thao cơ sở, ngân hàng, chợ, cơ sở sản xuất nghề...).

Hiện nay, mô hình làng tự quản theo luật tục của Tây Nguyên bị phá vỡ, kiểu làng sống thuần nhất một tộc người còn tồn tại rất ít ở vùng sâu vùng xa. Phần lớn đã đan xen, cộng cư giữa dân tộc di cư và dân tộc tại chỗ. Nhà rông và nhà của buôn trưởng không còn có vị trí là nơi quy tụ cộng đồng, do công năng và vai trò của “nhà văn hóa mới” bị tách ra khỏi vai trò của buôn trưởng và cộng đồng, do đó, giá trị truyền thống bị phai nhạt.

### **3.2. Về kinh tế - xã hội**

Với chủ trương xây dựng làng văn hóa, nhiều ngôi nhà công cộng được xây dựng lại. Tuy nhiên, việc tìm kiếm nguyên vật liệu truyền thống rất khó khăn, nên nhiều loại vật liệu mới được thay thế đã không thể hiện được sự khéo léo, các mô-típ trang trí chỉ dừng ở mức độ mô phỏng không phù hợp với cảnh quan và kiến trúc công trình. Việc gia tăng mô hình gia đình nhỏ hạt nhân do những thay đổi về kinh tế, xã hội và văn hóa tác động ngày càng mạnh khiến những ngôi nhà dài truyền thống của đại gia đình người Gia-rai, Ê-đê... không có cơ sở văn hóa - xã hội để tồn tại.

Các điểm dân cư đô thị mới như những thị trấn, thị tứ, các khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ phục vụ đời sống đô thị hoá tại chỗ tạo cơ hội việc làm và thu nhập

cho người dân sở tại; hình thành các dạng làng xã, thôn xóm có quy mô khác nhau; hệ thống hạ tầng xã hội trong trung tâm các làng xã được đề cao và có thiết kế với nhiều dạng, loại hình kiến trúc đa dạng như: nhà làm việc, trường học, điểm thông tin văn hóa, nhà văn hóa...

Hệ thống hạ tầng cơ sở kỹ thuật như đường giao thông đã được bê tông hóa, nhựa hóa tới 95%, các ngõ xóm trong các làng xã tạo thuận lợi cho việc đi lại, sản xuất của người dân. Chương trình điện chiếu sáng sinh hoạt, sản xuất đảm bảo được 97% toàn vùng. Thông tin trong các làng xã được cập nhật một cách nhanh chóng.

### **3.3. Về cảnh quan kiến trúc**

Quy mô các buôn làng Tây Nguyên hiện nay đều bị tác động bởi những giải pháp định canh định cư và xây dựng nông thôn mới. Việc bố trí các điểm dân cư hay buôn làng dựa theo nguồn nước tự nhiên không còn được coi trọng, vì đồng bào đã quen dần với việc sử dụng nguồn nước ngầm. Ranh giới trước đây của các làng thường được quy ước với nhau bởi ngọn núi, dòng suối, dòng sông và trong phạm vi ranh giới đó, người dân của buôn thường được quyền thu hái lâm sản, đặc sản xuất khẩu, săn bắn và thậm chí có quyền thừa kế. Buôn làng xưa kia như một xã hội thu nhỏ - nơi gắn kết tâm lý, lối sống, phong tục truyền thống, nơi phát huy và thể hiện rõ nhất tính hợp lý giữa kiến trúc - con người - môi trường đang dần biến mất.

Mỗi làng đều có diện tích sử dụng hàng chục, thậm chí hàng ngàn hecta đất rừng tự nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể mỗi vùng. Quy mô các điểm dân cư nông thôn ở Tây Nguyên phổ biến 100 - 200 hộ (40 -

50%), loại quy mô lớn hơn 200 hộ còn ít (10 - 15%), loại dưới 50 hộ rất ít (3 - 5%), số còn lại có quy mô 50 - 200 hộ. Mỗi làng thường có 30 - 40 nóc nhà, có từ 150 - 200 nhân khẩu (Viện Kiến trúc Quốc gia, 2006, tr. 2). Đặc trưng buôn làng ở Tây Nguyên đã biến đổi theo chiều hướng mới và có vai trò quan trọng đối với phát triển bền vững khu vực này là một hướng đi đúng, phù hợp với chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng song song với phát triển văn hóa hiện nay.

### *3.3.1. Sự chuyển đổi về cấu trúc không gian buôn làng truyền thống*

Cấu trúc không gian truyền thống của buôn làng Tây Nguyên hiện đã biến đổi khá mạnh mẽ, nhất là trên một số lĩnh vực sau:

- *Không gian sinh kế*: Buôn làng là nơi cư trú truyền thống được định hình ngay từ buổi đầu lập làng, nó thể hiện lối sống, kiểu cư trú và kinh nghiệm lựa chọn vị trí định cư để khai thác đáp ứng nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người. Trong không gian này, có thể thấy đầy đủ các nguồn lợi tự nhiên (đất đai, nước, khoáng sản, hệ động thực vật...). Các nhà văn hóa học, dân tộc học, địa chất học đều đánh giá đây là không gian thể hiện kinh nghiệm tích lũy về tri thức bản địa của mỗi tộc người và nó định hình một “cấu trúc hình thái cư trú” quyết định sự tồn tại của một cộng đồng. Vì thế, khi không gian sinh kế chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài và bị thay đổi thì nó cũng kéo theo những thay đổi sâu sắc trong sinh hoạt cộng đồng.

- *Không gian cư trú*: Có thể nhận thấy không gian này thay đổi với hai diện mạo: *không gian cư trú truyền thống* và *không*

*gian mở rộng*. Cả hai không gian này đều là nơi ở, sinh hoạt của đồng bào và là nơi hội tụ các loại hình, phong cách kiến trúc đặc sắc của dân tộc (nhà sàn ngắn, nhà sàn dài, nhà rông...).

Không gian cư trú truyền thống là nơi tập trung nhà cộng đồng hay nhà rông, khu vực sinh hoạt văn hóa chung của làng còn được giữ lại. Trong không gian mở rộng, có các loại công trình kiến trúc mới; vì thế, khu vực này thích hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình này nằm rải rác bám theo trục đường giao thông chính hoặc trục quốc lộ. Công chính của làng được dựng biến: Làng văn hóa. Trong làng được quy hoạch thành các ô bàn cờ - hệ quả của quy hoạch cụm dân cư tập trung không theo những đặc điểm của địa hình cư trú.

- *Không gian sinh hoạt cộng đồng*: Được nhận diện trong không gian cư trú, với chức năng riêng biệt cho các sinh hoạt chung của cộng đồng dân tộc... thường là trung tâm làng và được nhận diện qua vị trí của ngôi nhà rông, hay nhà cộng đồng. Không gian này là nơi kết nối những giá trị truyền thống cũng như thói quen về lối sống, phong tục, tập quán bằng các nghi lễ, nghi thức, lễ hội đặc trưng của mỗi tộc người. Có thể coi đây là không gian thể hiện sự gắn kết cộng đồng với xã hội, sự có kết cá nhân với nhau và nâng cao sự gắn kết xã hội, duy trì tính liên tục của văn hóa cộng đồng.

- *Không gian sinh hoạt tâm linh*: Là nơi tổ chức các sinh hoạt tín ngưỡng, tạo nên sự giao tiếp giữa thế giới thực với thế giới tâm linh. Đối với các dân tộc Tây Nguyên, đây là không gian thể hiện những nghi thức liên quan đến nông nghiệp, tính phồn thực mà ở đó hồn lúa được coi trọng.

Các buôn làng ở Tây Nguyên được mở rộng do sự gia tăng dân số là chính, những làng có dân số ít thường là các làng được tách ra từ những làng gốc. Mặc dù có cấu trúc khá chặt chẽ nhưng về cơ bản các buôn làng này đã có sự chuyển đổi như sau:

- *Phá vỡ cấu trúc không gian truyền thống*: Nhiều nhà mới xây dựng cạnh những ngôi nhà truyền thống. Làng truyền thống vốn được tạo dựng từ những đặc ân của thiên nhiên lại vô hình chung bị phá bỏ bởi những không gian sử dụng nhiều loại vật liệu mới, điều này thể hiện sự chuyển đổi từ môi trường tự nhiên sang môi trường xã hội như một tất yếu của nhu cầu phát triển.

- *Mai một và mất dần một số thành phần kiến trúc*: Nhiều làng chỉ còn giữ được những thành phần chính, còn các thành phần kiến trúc hỗ trợ đã bị mất do nhu cầu sử dụng không còn phù hợp và do thiếu vật liệu xây dựng. Những yếu tố tác động bên ngoài đã khiến mô hình làng tự quản theo luật tục ở Tây Nguyên gần như bị phá vỡ. Kiểu làng sống thuần nhất một dân tộc còn tồn tại rất ít ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Ở những vùng đất thuận lợi xuất hiện phổ biến mô hình làng sống đan xen, cộng cư giữa các dân tộc di cư và dân tộc tại chỗ,... Hệ quả là tạo ra sự đa dạng văn hóa, nhưng cũng dần dần đến đồng hóa văn hóa, khó nhận diện giá trị đặc trưng của từng dân tộc, góp phần làm suy giảm giá trị truyền thống.

Đô thị hóa là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng tới cấu trúc làng truyền thống ở Tây Nguyên. Buôn làng dần bị “biến dạng”, “pha trộn” và thậm chí bị mai một hoàn toàn. Nhìn dưới góc độ xã hội, có thể nhận thấy sự tồn tại của 3 dạng làng: (1) *Làng*

*thuần nhất của cộng đồng các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên* - làng vẫn còn giữ được về cơ bản cấu trúc hình thái/bố cục không gian cũ; (2) *Làng đan xen giữa cộng đồng tại chỗ và cộng đồng di cư*; và (3) *Làng của cộng đồng thiểu số di cư và làng của người Kinh*. Đó là nguyên nhân dẫn tới cấu trúc xã hội trong làng trở lên “lồng lẻo” giữa các mối quan hệ cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng bị tách rời. Đặc biệt, vai trò của người trưởng làng (già làng) - vốn trước đây đóng vai trò nhân tố gìn giữ và truyền tải giá trị truyền thống đã bị thay thế bằng quản lý hành chính nhà nước. Đây cũng là lý do khiến cho những không gian và công trình kiến trúc truyền thống phần nào bị giảm nhẹ, dẫn đến xu hướng mất dần. Mặc dù đây là tình trạng chung của các vùng miền trên cả nước, nhưng với vùng đất có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ phát triển còn hạn chế thì việc tiếp cận kinh tế - xã hội hiện đại và sự chênh lệch giữa các tộc người, đặc biệt là với người Kinh... sẽ dẫn tới hệ quả “nhiều loạn trong biến đổi văn hóa” (Ngô Đức Thịnh, 2008, tr. 12). Chẳng hạn, ngôi nhà rông vốn là một biểu tượng của nghệ thuật kiến trúc, biểu tượng của quyền lực và giá trị truyền thống đã bị “tối giản” về hình thức và giá trị nội dung, sử dụng dưới dạng “nhà văn hóa mới”.

- *Hình thành cấu trúc làng mới*: Khu vực Tây Nguyên cũng đang tồn tại các mô hình làng mới: *làng kinh tế mới* (do người Kinh di cư đến); *làng định cư* (tách hộ lập làng); *làng tái định cư* (do giải tỏa phục vụ dự án kinh tế, quốc phòng, quy hoạch đô thị, Chương trình Nông thôn mới...). Những làng này là sản phẩm của đề án quy hoạch theo ý đồ quản lý, vậy nên, việc hoạch định không

gian và đất sử dụng đã định hình những không gian sinh hoạt mới, hiện đại cùng các khu vực cư trú được phân định theo chức năng riêng.

### 3.3.2. Một số chuyển đổi trong kiến trúc nhà ở

Các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên hiện nay đang chuyển đổi sang hai loại hình nhà chủ yếu là: 1) *Chuyển từ nhà sàn dài sang nhà sàn ngắn* hay *chuyển từ nhà sàn sang nhà đất*; 2) Kiến trúc nhà theo người Kinh gồm hai loại là *nhà trệt bình dân* và *nhà biệt thự*.

- *Nhà trệt bình dân*: Hiện tồn tại phổ biến ở các vùng dọc đường giao thông. Nhà gồm 3 gian, nền đất hay xi măng, tường xây gạch hay ghép bằng ván gỗ, mái lợp tôn hay ngói. Bếp không nằm trong nhà mà ở khu phía sau nhà chính. Loại hình nhà này thường thuê người Kinh xây dựng nên kiểu dáng kiến trúc, bố trí không gian và nguyên liệu chịu ảnh hưởng của người Kinh.

- *Nhà biệt thự*: Mái bằng, vật liệu chỉ gồm sắt thép, gạch và xi măng, nhà có một hoặc nhiều tầng, kinh phí tốn kém. Loại nhà này thường có ở những vùng kinh tế hàng hóa phát triển, vùng đô thị.

Những thay đổi trên cho thấy, đã có sự chuyển biến khá mạnh trong đời sống văn hóa tinh thần dẫn tới sự chuyển biến về kiến trúc ngôi nhà tạo nên cảnh quan buôn làng hiện đại. Bên cạnh ngôi nhà trệt của người Kinh, người dân vẫn giữ lại ngôi nhà dài truyền thống. Một số nơi còn có sự giao thoa giữa khoảng không gian ngôi nhà mới với không gian ngôi nhà cũ. Chuyển biến này đáp ứng hai nhu cầu cuộc sống, với thể

hệ trẻ, họ thích ứng với cuộc sống mới ở ngôi nhà trệt và với người già vẫn ưa sinh hoạt ở nhà sàn. Điều đó cho thấy sự lấn lướt của văn hóa của người Kinh đã làm thay đổi sâu sắc diện mạo buôn làng truyền thống. Hệ quả là:

- Thiếu vắng những ngôi nhà sàn dài - một hình ảnh giàu tính nghệ thuật của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Các ngôi nhà này tỏ ra không còn đáp ứng được nhu cầu hiện tại với những thay đổi về lối sống và bộc lộ nhiều bất tiện trong sinh hoạt. *Tôn hóa* hầu hết các ngôi nhà sàn là xu hướng phổ biến ở Tây Nguyên, nó đáp ứng với yêu cầu kinh tế và thời gian sử dụng lâu dài. Các nguyên liệu dựng nhà được khai thác ở các khu rừng cận kiệt, trong khi những cánh rừng nguyên sinh, rừng *thiêng* trước đây phần lớn hiện thuộc quản lý của Nhà nước nên người dân thiếu nguyên liệu phục vụ cho việc xây dựng các công trình nhà ở theo truyền thống. Lớp trẻ thích sống trong ngôi nhà hiện đại và tiện nghi, nên cùng với ngôi nhà hiện đại, kiên cố, họ giữ lại bên cạnh ngôi nhà sàn cũ của mình như một kỷ niệm.

- *Nhiều ngôi nhà được sửa chữa thay thế, xây dựng mới hiện nay chưa thể hiện sự dung hòa, phù hợp với thiên nhiên*: Những ngôi nhà thuộc dự án di dời hoặc tạo lập điểm dân cư xây dựng nhà mới cho một bản làng, người dân cho rằng không phù hợp về thói quen sinh hoạt và điều kiện tự nhiên. Vì vậy, họ đã tự dựng thêm cho mình một ngôi nhà bên cạnh ngôi nhà của dự án làm cho cảnh quan càng trở nên chật chội. Trong khi ý kiến của người dân ở những độ tuổi khác nhau cho thấy: phần lớn thế hệ trung niên thích được thay thế những phần cũ hỏng

trong ngôi nhà. Đại đa số các gia đình đều thích giữ lại ngôi nhà cổ truyền để làm kỷ niệm, xây dựng ngôi nhà mới bên cạnh khuôn viên nhà. Những ngôi nhà theo kiểu truyền thống còn tốt, chưa hư hại vẫn được người dân thích dùng.

Từ các kết quả nghiên cứu trên, có thể nhận thấy một số xu hướng chính trong việc xây dựng nhà ở của đồng bào Tây Nguyên hiện nay là: *phá bỏ nhà cổ truyền để xây nhà mới hiện đại kiểu nhà ở đô thị của người Kinh; lưu giữ có sửa chữa thay thế nhà cổ truyền; dựng nhà mới hiện đại bên cạnh nhà cũ*. Từ đó dẫn đến hình thức, cấu trúc ngôi nhà cũng như không gian sinh hoạt vì thế cũng thay đổi theo.

### Kết luận

Phân tích những biến đổi cấu trúc không gian buôn làng truyền thống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên dưới góc nhìn văn hóa kiến trúc và xã hội học đô thị giúp hiểu thêm những nguyên nhân tạo nên thay đổi nhanh chóng các vùng đất vốn còn lưu giữ được nhiều đặc điểm văn hóa truyền thống này. Trong đó, đô thị hóa là một “cú hích” tạo nên những hệ quả của sự biến đổi trong cấu trúc không gian và cấu trúc xã hội của buôn làng truyền thống. Mặc dù có những thay đổi nhất định nhưng buôn làng Tây Nguyên hiện vẫn còn giữ được nhiều giá trị văn hóa, kiến trúc độc đáo.

Nhận diện và đánh giá những yếu tố chuyển biến trong cấu trúc buôn làng sẽ hỗ trợ cho việc quy hoạch tổ chức không gian cư trú hiện nay, nhất là cần xem xét đến việc tồn tại của các buôn làng hiện hữu trong cấu trúc của đô thị như một yếu tố quan trọng

đảm bảo sự gắn kết đồng bộ với quy hoạch điều chỉnh mở rộng không gian buôn làng, hạn chế việc di dời nhà ở của đồng bào đi nơi khác. Những khu vực cư trú truyền thống ở các khu vực Tây Nguyên rất cần được bảo lưu, gìn giữ và khai thác cấu trúc đặc trưng trong định hướng quy hoạch kiến trúc cảnh quan phù hợp với đặc trưng địa hình. Đồng thời, tạo điều kiện cho đồng bào tiếp tục duy trì phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong môi trường mới. Các khu vực định cư mới rất cần thiết phải quy hoạch cấu trúc làng phản ánh đặc trưng địa hình khu vực và tính chất văn hóa bản địa tộc người.

### Tài liệu tham khảo

1. Phạm Cao Đạt (2008), “Nhận diện từ biến đổi về văn hóa - xã hội truyền thống bản địa, suy nghĩ về kiến trúc dân gian đối với nhà ở KonTum”, trong: Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Điều tra, khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên*”, Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (17/10/2008), tr. 66-74.
2. Matre, Henri (2008), *Rừng người Thượng - vùng rừng núi cao nguyên miền Trung Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Shroch J.L. and Others (1966), *Minority group the Republic of Vietnam*, Department of the Army, American University, Washington.
4. Hà Đình Thành (2012), *Cộng đồng dân tộc Êđê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Lê Bá Thảo (1990), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

6. Ngô Đức Thịnh (2007), *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.

7. Ngô Đức Thịnh (2006), “Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 3, tr.87-94.

8. Tạ Hoàng Vân và cộng sự (2008), “Đặc điểm kiến trúc truyền thống trong buôn làng xứ Thượng”, *Tạp chí Kiến trúc Việt Nam*, Số 8, tr. 63-66.

9. Tạ Hoàng Vân (2012), “Vai trò của bản sắc văn hóa và đề xuất lồng ghép không gian văn hóa lễ hội trong quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị & Nông thôn*, Buôn Ma Thuột.

10. Viện Nghiên cứu Kiến trúc (2006), “*Mô hình và giải pháp quy hoạch kiến trúc vùng Tây Nguyên*”, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.



Nhà ở hiện nay của người Mnông ở huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

*Ảnh: Hồng Tám, chụp năm 2014*